

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 38 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 5 - 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*“ V/v tranh chấp: “Yêu cầu
ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Hoàng Thị Lệ Hằng và ông Nguyễn Văn Quyền.

*Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Phương Loan, Thư ký Toà án
Nhân dân huyện Phong Điền.*

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế:

Ông Lê Ngọc Thành, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại hội trường Tòa án Nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019; về việc “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 16/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Khoa Hải Th, sinh ngày 15/5/1979; Nơi ĐKNKTT: thôn T L, xã H B, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị; Địa chỉ liên lạc: 91 H, phường P H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

Bị đơn: Chị Lê Thị Minh T, sinh ngày 20/02/1980; Địa chỉ: Thôn Đ L, xã P T, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

Người làm chứng:

- Đại diện gia đình anh Nguyễn Khoa Hải Th: Ông Nguyễn Khoa H, sinh năm 1950 và bà Trần Thị C là bố, mẹ đẻ của anh Th. Điều trú tại: thôn N C, xã H C, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (Đều vắng mặt).

- Đại diện gia đình chị Lê Thị Minh T: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1956 là bố, mẹ đẻ chị T. Điều trú tại: thôn Đ L, xã P T, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (Đều vắng mặt).

- Đại diện Hội liên hiệp phụ nữ xã P T: Bà Đoàn Thị Q, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã P T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 07/10/2019 và trong bản tự khai ngày 31/12/2019 nguyên đơn là anh Nguyễn Khoa Hải Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Khoa Hải Th và chị Lê Thị Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2005 tại UBND xã P T, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên trong những năm gần đây anh Th thường đi làm ăn xa và có quen biết với người phụ nữ khác, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ cuối năm 2018 đến nay anh Th không còn chung sống với chị T và gia đình nữa và hiện nay anh cũng không còn tình cảm với chị T nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khoa Minh Q, sinh ngày 04/3//2006 và Nguyễn Khoa Vương Q1, sinh ngày 29/01/2008 hiện nay đang ở với chị T, nếu ly hôn thì tùy nguyện vọng của hai cháu mong muốn được ở với ai thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Anh Th trình bày vợ chồng có một ngôi nhà tại thôn Đ L, xã P T, nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Th xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 31/12/2019 chị T khai nhận:

Về phần thời gian, điều kiện kết hôn là hoàn toàn đúng, còn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th thường đi làm ăn xa và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Tuy nhiên vì hạnh phúc gia đình và để có điều kiện chăm sóc các con, chị T đã nhiều lần khuyên can tha thứ để anh Th chăm lo cuộc sống gia đình, chị T cho rằng tình cảm của chị giành cho anh Th vẫn còn, nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khoa Minh Q, sinh ngày 04/3//2006 và Nguyễn Khoa Vương Q1, sinh ngày 29/01/2008 hiện nay đang ở với chị T. Nếu vợ chồng không thể hàn gắn hạnh phúc thì tùy nguyện vọng của hai cháu muốn ở với chị hay anh Th chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền có ý kiến:

Đối với quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Khoa Hải Th đối với chị Lê Thị Minh T. Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa lý do anh Th đưa ra là có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác là vi phạm chế độ hôn nhân, trái đạo đức xã hội, ngoài nguyên nhân trên vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vì vậy căn cứ quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Th đối với chị T. Nên những vấn đề liên quan về con chung, tài sản chung và nợ chung trong vụ án cũng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí ly hôn anh Th phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Khoa Th và chị Lê Thị Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2005 tại UBND xã P T, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, anh Th nại ra do việc làm ăn nên anh thường xuyên xa nhà và trong những năm gần đây anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy việc khai nại nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh Th là không chính đáng và không có cơ sở pháp lý cũng như về mặt đạo đức xã hội. Tại các văn bản của hai bên gia đình nội ngoại và Hội liên hiệp phụ nữ cũng có ý kiến không đồng tình về việc xin ly hôn của anh Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Khoa Hải Th xin ly hôn chị Lê Thị Minh T, với lý do anh Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là vi phạm chế độ hôn nhân, trái đạo đức xã hội. Tại phiên tòa chị Lê Thị Minh T vẫn tiếp tục mong muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc để lo cho con cái và cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ cần bác đơn để vợ chồng có thời gian khắc phục những bất đồng trong cuộc sống, hàn gắn hạnh phúc xây dựng cuộc sống hôn nhân, nên không chấp nhận yêu ly hôn của anh Th. Đồng thời những vấn đề liên quan về con chung, tài sản chung và nợ chung trong vụ án Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Khoa Hải Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Khoa Hải Th đối với chị Lê Thị Minh T. Các vấn đề liên quan về con chung, tài sản chung và nợ chung trong vụ án không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Khoa Hải Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Thành đã nộp số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 008513 ngày 02/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nên được khấu trừ.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV A;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt